

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày 14/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Nhưông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Mai Hiên.

Ông Đặng Văn Ấy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngân-Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5-Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy-Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Cao Bằng xét xử Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 đối với:

*** Bị cáo:**

Trần Đào N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/12/1989.

Căn cước công dân số: 004089004405, cấp ngày: 24/06/2021, nơi cấp: **Cục C-Bộ C1**,

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng**; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: **Trần K** (đã chết) và bà **Đặng Mùi P**, sinh năm 1963; có vợ là **Đặng Mùi P1**, sinh năm 1987 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2026 đến nay, bị cáo tại ngoại (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông **Bé Kim T** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C**. (có mặt)

*** Nguyên đơn dân sự:**

Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng - Người đại diện theo pháp luật là ông **Lý Triệu T1** - Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Đặng Mùi P1**, sinh năm 1987, địa chỉ: **Xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng**. (có mặt).

*** Người phiên dịch tiếng dao:** Ông **Trịnh Văn S**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Xóm A, xã B, tỉnh Cao Bằng**. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được:

Ngày 08/10/2025, Hạt kiểm lâm khu vực **B, tỉnh Cao Bằng** tiếp nhận tin báo từ quần chúng nhân dân về việc phá rừng trái pháp luật xảy ra tại **xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng**. Quá trình xác minh, làm rõ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội xác định được **Trần Đào N** sinh năm 1989, trú tại **xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng** là người thực hiện hành vi chặt phá rừng. Biết sự việc của mình đã bị phát hiện nên ngày 15/10/2025, **Trần Đào N** đã đến cơ quan chức năng để đầu thú và giao nộp 01 máy cưa xăng nhãn hiệu **Echo CS-525** và 01 dao quắm (đã qua sử dụng).

Ngày 11/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** phối hợp cùng Hạt Kiểm lâm khu vực **B, tỉnh Cao Bằng**, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực **B** đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Diện tích rừng bị chặt phá là 9.117m², số lượng cây bị chặt phá là 287 cây, thuộc nhóm gỗ thông thường với tổng thể tích là 52,974 m³, điểm phá rừng thuộc **tiểu khu E**, khoảnh 9A, lô 4a, 6a, 6, tờ bản đồ số 4 tại địa phận **xóm N, xã H**, loại đất, loại rừng: Rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo, chức năng Rừng phòng hộ (Theo quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 27/2/2025 của **UBND tỉnh C** về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Cao Bằng năm 2024), chủ quản lý là Cộng đồng **xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng**.

Tại Cơ quan điều tra, **Trần Đào N** khai nhận: Vào khoảng tháng 7 năm 2025, **N** mang máy cưa, dao quắm một mình đi đến khu vực rừng nói trên thuộc **xóm N, xã H** để thực hiện hành vi chặt phá, mục đích **N** chặt phá rừng là để có đất trồng cây hồi phát triển kinh tế cho gia đình. Việc chặt phá rừng vợ của **N** là **Đặng Mùi Pháy**, sinh năm 1987 không được tham gia bàn bạc và thực hiện với **N**. Ngoài ra, **N** cũng không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Ngày 26/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** đã ban hành yêu cầu định giá tài sản số A1382/YC-VPCQCSĐT đề nghị định giá đối với 287 cây gỗ bị **N** chặt phá. Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự **xã H, tỉnh Cao Bằng** kết luận: 287 cây gỗ bị chặt phá tương đương 52,974 m³ gỗ loại thông thường có giá trị là: 13.243.500 đồng (xác nhận **Trần Đào N** đã nộp đủ số tiền 13.243.500 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000113, ngày 10/12/2026 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng).

Các vật chứng, tài sản đã tạm giữ được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - tỉnh Cao Bằng để xử lý theo quy định.

Về dân sự: Ông **Lương Thanh T2** - Trưởng phòng kinh tế **UBND xã H, tỉnh Cao Bằng** là nguyên đơn dân sự theo ủy quyền của Chủ tịch **UBND xã H** yêu cầu Nhân bồi thường thiệt hại theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự **xã H, tỉnh Cao Bằng**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự Trảnh Đào N về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trảnh Đào N thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: Có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xem xét yêu cầu bị cáo Trảnh Đào N thực hiện việc bồi thường cho nhà nước số tiền 13.243.500 đồng do hành vi của bị cáo đã gây ra thiệt hại. Đối với 287 cây gỗ loại thông thường có khối lượng 52,974 m³ đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do nhận thức chưa đúng nên đã có hành vi phá hoại rừng với mục đích để có thêm diện tích đất để trồng các loại cây kinh tế khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

* Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trảnh Đào N về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Bị cáo Trảnh Đào N phạm tội “Hủy hoại rừng”
- Về hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trảnh D Nhàn mức án tù 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 5 năm.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trảnh Đào N bồi thường cho nhà nước số tiền 13.243.500 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền 13.243.500 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cao Bằng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- + Đối với 287 cây gỗ thông thường có khối lượng 52,974 m³ đề nghị xem xét giao cho Ủy ban nhân dân xã H xử lý tận thu theo quy định.

- + Đối với 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Echo CS-525, đã qua sử dụng thì xử lý tịch thu phát mại thu tiền nộp ngân sách nhà nước.

- + Đối với 01 dao bằng kim loại màu đen dài 34 cm đã qua sử dụng, xác định dao không có giá trị sử dụng nên xử lý tịch thu tiêu hủy...

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Trần Đào N** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông **Bế Kim T** trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo **Trần Đào N** về tội danh, điều luật, hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã được làm rõ nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, trình độ học vấn thấp, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp là nông nghiệp, mục đích phá rừng là để có đất trồng các loại cây phát triển kinh tế khác. Khi được tuyên truyền và nhận biết hành vi phạm tội của mình đã tự nguyện ra đầu thú. Quá trình sinh sống luôn chấp hành tốt các nội quy quy định của địa phương, chính sách pháp luật của nhà nước, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra, được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt. Nhất trí với đề nghị của **V** đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí nhất trí với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo **Trần Đào N** nhất trí với lời bào chữa, không bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày do thiếu hiểu biết nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀN ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra **công an tỉnh C**; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Biên

bản kiểm tra việc phá rừng trái pháp luật xảy ra tại xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng lập ngày 08/10/2025; biên bản khám xét hiện trường lập ngày 11/11/2025; biên bản đo đếm hiện trường vụ phá rừng phát hiện ngày 08/10/2025 tại xóm N, xã H (thuộc tiểu khu E; khoảnh 9A; Lô 4a;6a;6) ngày 11/01/2025; các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai của người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng tháng 7 năm 2025, bị cáo Trảnh Đào N có hành vi: Sử dụng máy cưa xăng, dao quắm một mình đi đến khu vực từng thuộc tiểu khu E, khoảnh 9A, lô 4a, 6a, 6, tờ bản đồ số 4 tại địa phận xóm N, xã H, loại đất, loại rừng: Rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo, chức năng Rừng phòng hộ (Theo quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh C về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Cao Bằng năm 2024), chủ quản lý là Cộng đồng xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng để chặt phá mục đích để lấy đất trồng hồi phát triển kinh tế cho gia đình. Diện tích rừng bị N chặt phá là 9.117m³, số lượng cây bị chặt phá là 287 cây, thuộc nhóm gỗ thông thường với tổng thể tích là 52,974 m³ có giá trị là: 13.243.500 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo Trảnh Đào N thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

[3]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo Trảnh Đào N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi được chính quyền địa phương tuyên truyền, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã tự nguyện ra đầu thú; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; tự nguyện nộp số tiền 13.243.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả; được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích phá rừng của bị cáo Trảnh Đào N là để có thêm đất trồng cây phát triển kinh tế. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét bị cáo có khả năng tự cải tạo. Do đó, căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: Không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.243.500 đồng. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 13.243.500 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cao Bằng theo biên lai số 0000113 ngày 10/02/2026. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ

[5]. Đối với đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc việc bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét áp dụng điều 54 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề nghị của người bào chữa. Đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[6]. Về các vấn đề khác;

Đối với **Đặng Mùi P1** là vợ của **Trần Đào N**, do không tham gia và không biết rõ hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Đào N** nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đối với 287 cây gỗ loại thông thường có khối lượng là 52,974 m³ hiện đang được **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Cao Bằng quản lý. Xử lý giao cho **Ủy ban nhân dân xã H** xử lý tận thu theo quy định.

+ Đối với 01 máy cưa xăng nhãn hiệu **Echo CS-525**, **tình trạng đã qua sử dụng** thì xử lý tịch thu phát mại thu tiền nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với **01 con dao quắm kim loại màu đen dài 34cm đã qua sử dụng**, xác định dao không có giá trị sử dụng nên xử lý tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí:

Bị cáo **Trần Đào N** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Trần Đào N** phạm tội "Hủy hoại rừng".

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo **Trần D** Nhân 02 năm 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 592 .

Buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.243.500 đồng. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 13.243.500 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5-Cao Bằng theo biên lai số 0000113 ngày 10/02/2026. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của luật Tổ tụng hình sự.

* Đối với 287 cây gỗ loại thông thường có khối lượng là 52,974 m³ hiện đang được **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Cao Bằng quản lý. Xử lý giao cho **Ủy ban nhân dân xã H** xử lý tận thu theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/4/2026).

* Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước:

+ **01 máy cưa xăng nhãn hiệu Echo CS-525, tình trạng đã qua sử dụng.**

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bằng kim loại màu đen dài 34 cm, đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số **23** ngày 14 tháng 4 năm 2026.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trần Đào N** được miễn án phí án hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm liên quan đến việc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời gian hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Khu vực 5,
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL&NVLQ;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND xã Hưng Đạo;
- Lưu hồ sơ vụ án; hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Văn Nhường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai Hiên

Đặng Văn Ấy

Trương Văn Nhường